tóng jū

同居

verb · cohabitation

Example Sentences

Tóng jū shēng huó xū yào shuāng fāng hù xiāng bāo róng
同 居 生 活 需要 双 方 互 相 包 容 。

Cohabitation life requires mutual tolerance from both sides.

tā men jué dìng tóng jū yì nián hòu zài jié hūn
他 们 决 定 同 居 一 年 后 再 结 婚 。

They decided to cohabitate for a year before getting married.

Trace each character, then write the word on your own.

同 同 同 同 同 同 同 同 同

居 居 居 居 居 居 居 居 居 居 居